**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**PHÂN HIỆU TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

**BỘ MÔN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÁO CÁO ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG ỨNG DỤNG DI ĐỘNG QUẢN LÍ VÀ ĐẶT THỨC ĂN DÀNH CHO CĂN TIN KÍ TÚC XÁ UTC2**

Giảng viên hướng dẫn: PHẠM THỊ MIÊN

Sinh viên thực hiện: TRẦN TUYẾT NHƯ

Lớp : CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Khoá :58

Tp. Hồ Chí Minh, năm 2021

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**PHÂN HIỆU TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

**BỘ MÔN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÁO CÁO ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG ỨNG DỤNG DI ĐỘNG QUẢN LÍ VÀ ĐẶT THỨC ĂN DÀNH CHO CĂN TIN KÍ TÚC XÁ UTC2**

Giảng viên hướng dẫn: PHẠM THỊ MIÊN

Sinh viên thực hiện: TRẦN TUYẾT NHƯ

Lớp : CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Khoá :58

Tp. Hồ Chí Minh, năm 2021

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIÃ VIỆT NAM**

**PHÂN HIỆU TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# NHIỆM VỤ THIẾT KẾ TỐT NGHIỆP

BỘ MÔN: **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

-------\*\*\*-------

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã sinh viên:** 5851071051 | **Họ tên SV:** TRẦN TUYẾT NHƯ |
| **Khóa:** 58 | **Lớp:** CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |

1. **Tên đề tài: Xây dựng ứng dụng di động quản lí và đặt thức ăn cho căn tin kí túc xá UTC2**
2. **Mục đích, yêu cầu:**

* Có kiến thức căn bản về lập trình Android Java.
* Xây dựng ứng dụng đầy đủ các chức năng phù hợp với mục đích.

1. **Nội dung và phạm vi đề tài:**

Kí túc xá Đại học Giao Thông Vận Tải Phân hiệu tại TPHCM là nơi phục vụ các nhu cầu thiết yếu như bữa ăn và các sản phẩm sinh hoạt dành cho sinh viên, giảng viên lưu trú tại kí túc xá. Nhằm nâng cao lượng khách hàng đồng thời trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn hoành hành việc áp dụng xu thế hiện nay thương mại điện tử (E-commerce) là việc cần thiết. Chính vì nhận thấy nhu cầu đó, đề tài “*Ứng dụng di động quản lí và đặt thức ăn dành cho căn tin kí túc xá UTC2*” ra đời. Các chức năng chính của ứng dụng:

**Dành cho khách hàng:**

* Đăng kí tài khoản (Xác thực qua số điện thoại)
* Đăng nhập
* Lấy lại mật khẩu (Xác thực qua số điện thoại)
* Quản lí tài khoản cá nhân, thêm sửa xóa thông tin cá nhân.
* Xem lịch sử mua hàng cá nhân
* Xem thực đơn theo danh mục.
* Tìm kiếm sản phẩm (Cho phép lọc theo giá hoặc tìm kiếm theo tên)
* Quản lí giỏ hàng.
* Lựa chọn phương thức thanh toán (Thanh toán khi nhận hàng hoặc trực tuyến thông qua ví điện tử Momo)

**Dành cho chủ cửa hàng:**

* Đăng nhập
* Lấy lại mật khẩu (Xác thực qua số điện thoại
* Quản lí thông tin cá nhân của doanh nghiệp
* Quản lí danh mục các sản phẩm.
* Quản lí chi tiết sản phẩn,
* Quản lí đơn đặt hàng của sinh viên.
* Thống kê doanh thu, sản phẩm được mua nhiều nhất, sinh viên mua hàng nhiều nhất

1. **Công nghệ, công cụ và ngôn ngữ lập trình**

* Công nghệ: Firebase, Host online
* Công cụ: Android Studio
* Ngôn ngữ lập trình: Java, PHP, MySQL

1. **Các kết quả chính dự kiến sẽ đạt được và ứng dụng**

* Ứng dụng hoàn thiện các chức năng
* Giao diện dễ thao tác.
* Nâng cao khả năng lập trình và thiết kế.

1. **Giáo viên và cán bộ hướng dẫn**

Họ tên: PHẠM THỊ MIÊN

Đơn vị công tác: ĐH Giao Thông Vận Tải Phân hiệu tại TPHCM

Điện thoại: Email:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày tháng 03 năm 2017**  **Trưởng BM Công nghệ Thông tin** | **Đã giao nhiệm vụ TKTN**  **Giáo viên hướng dẫn** |
| **ThS.Trần Phong Nhã** |  |

Đã nhận nhiệm vụ TKTN

Sinh viên: Ký tên:

Điện thoại: Email:

**LỜI CẢM ƠN**

Em xin chân thành cám ơn tất cả các thầy cô của bộ môn Công nghệ thông tin tại trường Đại học Giao Thông Vận Tải phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như Ban Giám hiệu đã cho phép em thực hiện đồ án với đề tài: *“****XÂY DỰNG ỨNG DỤNG DI ĐỘNG QUẢN LÍ VÀ ĐẶT THỨC ĂN DÀNH CHO CĂN TIN KÍ TÚC XÁ UTC2****”*

Để có thể thực hiện nhiệm vụ, ngoài sự cố gắng nỗ lực của bản thân, không thể quên công ơn các thầy cô đã tận tâm giảng dạy, hướng dẫn em trong suốt 4 năm tại mái trường để em có cơ hội hoàn thành đồ án tốt nghiệp như hôm nay. Ngoài ra còn có sự giúp đỡ của các bạn trong lớp Công nghệ thông tin – K58 và sự hướng dẫn nhiệt tình nhưng đồng thời rất nghiêm khắc của giảng viên hướng dẫn – cô Phạm Thị Miên. Em xin chân thành cám ơn cô và các bạn.

Trong suốt quá trình làm đồ án, không thể tránh khỏi các sai sót, rất mong nhận được lời nhận xét của thầy cô, quý vị hội đồng. Từ đó giúp em rút ra các kinh nghiệm, hoàn thiện bản than trong tương lai.

Xin kính chúc thầy cô, quý vị hội đồng nhiều sức khỏe, luôn đạt được thành công trong cuộc sống.

# NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

|  |
| --- |
| ***Tp. Hồ Chí Minh, ngày ….… tháng ….… năm ….…***  **Giáo viên hướng dẫn**  **Phạm Thị Miên** |

**MỤC LỤC**

[NHIỆM VỤ THIẾT KẾ TỐT NGHIỆP i](#_Toc76754380)

[NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN iv](#_Toc76754381)

[DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT vii](#_Toc76754382)

[DANH MỤC BẢNG BIỂU viii](#_Toc76754383)

[DANH MỤC HÌNH ẢNH ix](#_Toc76754384)

[CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN 1](#_Toc76754385)

[1.1 Đặt vấn đề 1](#_Toc76754386)

[1.2 Mục tiêu nghiên cứu 1](#_Toc76754387)

[1.3 Phạm vi đề tài 2](#_Toc76754388)

[1.4 Cấu trúc báo cáo đồ án tốt nghiệp 2](#_Toc76754389)

[CHƯƠNG 2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT 3](#_Toc76754390)

[2.1 Tổng quan về ngôn ngữ lập trình di động Java 3](#_Toc76754391)

[2.1.1 Giới thiệu 3](#_Toc76754392)

[2.1.2 Ưu điểm 3](#_Toc76754393)

[2.1.3 Nhược điểm 3](#_Toc76754394)

[2.1.4 Ứng dụng cho hệ điều hành Android 3](#_Toc76754395)

[2.2 Tổng quan về ngôn ngữ PHP 4](#_Toc76754396)

[2.2.1 Giới thiệu 4](#_Toc76754397)

[2.2.2 Ưu điểm 4](#_Toc76754398)

[2.2.3 Nhược điểm 4](#_Toc76754399)

[2.3 Tổng quan về thương mại điện tử E-commerce 4](#_Toc76754400)

[2.3.1 Giới thiệu 4](#_Toc76754401)

[2.3.2 Ưu điểm: 5](#_Toc76754402)

[2.3.3 Nhược điểm: 5](#_Toc76754403)

[2.4 Tổng quan các công nghệ sử dụng: 5](#_Toc76754404)

[2.4.1 Tổng quan về Firebase 5](#_Toc76754405)

[2.4.2 Tổng quan về MomoAPI 6](#_Toc76754406)

[CHƯƠNG 3 THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG ỨNG DỤNG 8](#_Toc76754407)

[3.1 Khảo sát hiện trạng và xác định yêu cầu 8](#_Toc76754408)

[3.1.1 Hiện trạng của tổ chức 8](#_Toc76754409)

[3.1.2 Khảo sát thu thập thông tin của hệ thống 8](#_Toc76754410)

[3.1.3 Tổng hợp kết quả khảo sát 13](#_Toc76754411)

[3.1.4 Xác định yêu cầu và chức năng của hệ thống 13](#_Toc76754412)

[3.1.5 Sơ đồ usecase 15](#_Toc76754413)

[3.2 Phân tích dữ liệu 20](#_Toc76754414)

[3.2.1 Mô hình thực thể kết hợp ERD 20](#_Toc76754415)

[3.2.2 Sưu liệu cho ERD 20](#_Toc76754416)

[3.3 Thiết kế dữ liệu 22](#_Toc76754417)

[3.3.1 Mô hình quan hệ 22](#_Toc76754418)

[3.3.2 Database Diagram 23](#_Toc76754419)

[3.3.3 Mô tả chi tiết các thực thể, mối kết hợp, mô tả các ràng buộc toàn vẹn 23](#_Toc76754420)

[3.4 Sơ đồ hoạt động 29](#_Toc76754421)

[3.5 Xây dựng giao diện chương trình 33](#_Toc76754422)

[3.5.1 Giao diện của ứng dụng đặt hàng 33](#_Toc76754423)

[3.5.2 Giao diện dành cho úng dụng quản lí 53](#_Toc76754424)

[CHƯƠNG 4 KẾT LUẬN 72](#_Toc76754425)

[4.1 Kết quả đạt được 72](#_Toc76754426)

[4.2 Nhược điểm 72](#_Toc76754427)

[4.3 Hướng phát triển 73](#_Toc76754428)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 74](#_Toc76754429)

# DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả** | **Ý nghĩa** | **Ghi chú** |
| 1 | UTC2 | University of Transport and Communications campus in Ho Chi Minh City |  |
| 2 | TPHCM | Thành phố Hồ Chí Minh |  |
| 3 | KTX | Kí túc xá |  |
| 4 | OTP | One-time password |  |
| 5 | ERD | Entity Relationship Diagram |  |

# DANH MỤC BẢNG BIỂU

[Bảng 3.1 Bảng kế hoạch phỏng vấn tổng quan chung 9](#_Toc76672733)

[Bảng 3.2 Bảng kế hoạch phỏng vấn 10](#_Toc76672734)

[Bảng 3.3 Phiếu phỏng vấn nhân viên căn tin 11](#_Toc76672735)

[Bảng 3.4 Phiếu phỏng vấn sinh viên tại KTX UTC2 12](#_Toc76672736)

[Bảng 3.5 Kịch bản usecase chức năng xem sản phẩm 16](#_Toc76672737)

[Bảng 3.6 Kịch bản usecase chức năng quản lí thông tin cá nhân 16](#_Toc76672738)

[Bảng 3.7 Kịch bản usecase chức năng quản lí giỏ hàng 17](#_Toc76672739)

[Bảng 3.8 Kịch bản usecase chức năng xem lịch sử mua hàng 17](#_Toc76672740)

[Bảng 3.9 Kịch bản usecase chức năng quản lí thực đơn 18](#_Toc76672741)

[Bảng 3.10 Kịch bản usecase quản lí đơn hàng 18](#_Toc76672742)

[Bảng 3.11 Kịch bản usecase quản lí thông tin chủ cửa hàng 19](#_Toc76672743)

[Bảng 3.12 Kịch bản usecase xem thống kê 19](#_Toc76672744)

[Bảng 3.13 Mô tả chi thiết thực thể LOAISANPHAM 20](#_Toc76672745)

[Bảng 3.14 Mô tả chi thiết thực thể SANPHAM 21](#_Toc76672746)

[Bảng 3.15 Mô tả chi thiết thực thể HOADON 21](#_Toc76672747)

[Bảng 3.16 Mô tả chi thiết thực thể KHACHHANG 22](#_Toc76672748)

[Bảng 3.17 Mô tả chi tiết thực thể loaisanpham 23](#_Toc76672749)

[Bảng 3.18 Mô tả chi tiết thực thể sanpham 24](#_Toc76672750)

[Bảng 3.19 Mô tả chi tiết thực thể khachhang 25](#_Toc76672751)

[Bảng 3.20 Mô tả chi tiết thực thể bảng hoadon 26](#_Toc76672752)

[Bảng 3.21 Mô tả chi tiết mối kết hợp chitiethoadon 27](#_Toc76672753)

[Bảng 3.22 Bảng tầm ảnh hưởng R1 28](#_Toc76672754)

[Bảng 3.23 Bảng tầm ảnh hưởng R2 28](#_Toc76672755)

[Bảng 3.24 Bảng tầm ảnh hưởng R3 29](#_Toc76672756)

[Bảng 3.25 Bảng tầm ảnh hướng R4 29](#_Toc76672757)

# DANH MỤC HÌNH ẢNH

[Hình 2.1 Java 3](#_Toc76672676)

[Hình 2.2 PHP 4](#_Toc76672677)

[Hình 2.3 Firebase 6](#_Toc76672678)

[Hình 2.4 Ứng dụng ví điện tử Momo 7](#_Toc76672679)

[Hình 3.1 Mô hình phân rã chức năng của ứng dụng quản lí 13](#_Toc76672680)

[Hình 3.2 Mô hình phân rã chức năng của ứng dụng đặt hàng 13](#_Toc76672681)

[Hình 3.3 Sơ đồ usecase 15](#_Toc76672682)

[Hình 3.4 Mô hình thực thể kết hợpERD 20](#_Toc76672683)

[Hình 3.5 Database Diagram 23](#_Toc76672684)

[Hình 3.6 Dữ liệu nhập vào bảng loaisanpham 24](#_Toc76672685)

[Hình 3.7 Dữ liệu nhập vào bảng sản phẩm 25](#_Toc76672686)

[Hình 3.8 Dữ liệu nhập vào bảng khachhang 26](#_Toc76672687)

[Hình 3.9 Dữ liệu nhập vào bảng hoadon 27](#_Toc76672688)

[Hình 3.10 Dữ liệu nhập vào bảng chitiethoadon 28](#_Toc76672689)

[Hình 3.11 Sơ đồ hoạt động đăng nhập 29](#_Toc76672690)

[Hình 3.12 Sơ đồ hoạt động đăng kí 30](#_Toc76672691)

[Hình 3.13 Sơ đồ hoạt động thanh toán 31](#_Toc76672692)

[Hình 3.14 Sơ đồ hoạt động thống kê 32](#_Toc76672693)

[Hình 3.15 Giao diện trang chính 33](#_Toc76672694)

[Hình 3.16 Giao diện thanh công cụ 34](#_Toc76672695)

[Hình 3.17 Giao diện đăng nhập 35](#_Toc76672696)

[Hình 3.18 Giao diện đăng kí 36](#_Toc76672697)

[Hình 3.19 Giao diện quên mật khẩu 37](#_Toc76672698)

[Hình 3.20 Giao diện nhập mã OTP 38](#_Toc76672699)

[Hình 3.21 Giao diện nhận tin nhắn mã OTP 39](#_Toc76672700)

[Hình 3.22 Giao diện nhập mật khẩu mới 40](#_Toc76672701)

[Hình 3.23 Giao diện thanh công cụ sau khi đăng nhập 41](#_Toc76672702)

[Hình 3.24 Giao diện thay đổi thông tin 42](#_Toc76672703)

[Hình 3.25 Giao diện xem lịch sử mua hàng 43](#_Toc76672704)

[Hình 3.26 Giao diện xem chi tiết lịch sử mua hàng 44](#_Toc76672705)

[Hình 3.27 Giao diện đổi mật khẩu 45](#_Toc76672706)

[Hình 3.28 Giao diện tìm kiếm tại trang chủ 46](#_Toc76672707)

[Hình 3.29 Giao diện lọc theo giá tại trang danh mục 47](#_Toc76672708)

[Hình 3.30 Giao diện tìm kiếm theo tên tại trang danh mục 48](#_Toc76672709)

[Hình 3.31 Giao diện xem chi tiết sản phẩm 49](#_Toc76672710)

[Hình 3.32 Giao diện xem và quản lí giỏ thàng 50](#_Toc76672711)

[Hình 3.33 Giao diện thanh toán vqua ví diện tử momo 51](#_Toc76672712)

[Hình 3.34 Giao diện sau khi mua hàng thành công 52](#_Toc76672713)

[Hình 3.35 Giao diện nhận thông báo khi có đơn hàng mới 53](#_Toc76672714)

[Hình 3.36 Giao diện đăng nhập 54](#_Toc76672715)

[Hình 3.37 Giao diện nhập mã OTP khi quên mật khẩu 55](#_Toc76672716)

[Hình 3.38 Giao diện nhập tin nhắn mã OTP 56](#_Toc76672717)

[Hình 3.39 Giao diện nhập mật khẩu mới khi xác nhận thành công 57](#_Toc76672718)

[Hình 3.40 Giao diện quản lí hóa đơn 58](#_Toc76672719)

[Hình 3.41 Giao diện xem chi tiết hóa đơn và thay đổi trạng thái 59](#_Toc76672720)

[Hình 3.42 Giao diện quản lí danh mục 60](#_Toc76672721)

[Hình 3.43 Giao diện thêm danh mục 61](#_Toc76672722)

[Hình 3.44 Giao diện chỉnh sửa chi tiết danh mục 62](#_Toc76672723)

[Hình 3.45 Giao diện quản lí sản phẩm trong danh mục 63](#_Toc76672724)

[Hình 3.46 Giao diện thêm sản phẩm mới 64](#_Toc76672725)

[Hình 3.47 Giao diện chỉnh sửa chi tiết sản phẩm 65](#_Toc76672726)

[Hình 3.48 Giao diện xem báo cáo doanh thu 7 ngày gần nhất 66](#_Toc76672727)

[Hình 3.49 Giao diện xem báo cáo doanh thu trong năm 67](#_Toc76672728)

[Hình 3.50 Giao diện xem báo cáo doanh thu các năm qua 68](#_Toc76672729)

[Hình 3.51 Giao diện thống kê khách hàng 69](#_Toc76672730)

[Hình 3.52 Giao diện thống kê sản phẩm 70](#_Toc76672731)

[Hình 3.53 Giao diện thay đổi thông tin cửa hàng 71](#_Toc76672732)

# TỔNG QUAN

## Đặt vấn đề

Hiện nay, ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quản lý đã không còn là một chủ đề xa lạ trong thời đại nhân loại đang phát triển và tiến hóa không ngừng. Nhưng quản lý như thế nào để hiệu quả và không gặp nhiều khó khăn, rắc rối thì vẫn luôn là một vấn đề nan giải đối với các doanh nghiệp và các cửa hàng.

Đối với những doanh nghiệp và cửa hàng, việc quản lý thủ công đem lại rất nhiều rắc rối. Phương pháp truyền thống này thường đem lại hiệu quả không cao. Vì thế , việc tạo ra một chương trình hệ thống quản lý là đang một trong những nhu cầu thiết yếu của người dùng và của các nhân viên sử dụng hệ thống, giúp người dùng sử dụng một cách dễ dàng, làm cho quá trình mua bán, trao đổi, lưu trữ thông tin, tổng hợp dữ liệu trở nên chính xác và hiệu quả hơn.

Trong quá trình theo học tại Đại học Giao Thông Vận Tải Phân hiệu tại TPHCM, em đã khảo sát và nắm bắt tình hình quản lý của căn tin kí túc xá. Nhìn chung, căn tin chủ yếu sử dụng quy trình thủ công. Sinh viên có thể đến căn tin mua hàng trực tiếp hoặc nhận thực đơn và đăt hàng thông qua cuộc gọi điện thoại và tin nhắn viễn thông hoặc mạng xã hội. Nhân viên căn tin ghi chép lại đơn đặt hàng bằng tay qua sổ ghi chép và giao đến từng phòng kí túc xá theo danh sách. Việc sử dụng phương pháp này gây nên nhiều bất cập và khó khăn trong công tác kinh doanh, quản lí và lưu trữ, rất dễ gây nhầm lẫn và sai sót trong quá trình giao hàng. Trong khi tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp thì mua hàng online đang là hình thức được ưa chuộng. Quy trình kinh doanh và quản lí truyền thống rất có thể là tác nhân khiến lợi nhuận của căn tin kí túc xá chưa phát triển tối ưu.

## Mục tiêu nghiên cứu

- Củng cố và bổ sung kiến thức đã học về việc thiết kế ứng dụng.

- Rèn luyện kĩ năng phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, kĩ năng lập trình.

- Tập làm quen với việc nghiên cứu.

- Xây dựng được ứng dụng quản lí và kinh doanh cửa hàng thiết thực, thân thiện, dễ sử dụng và mang lại hiệu quả cao.

- Lưu trữ khối lượng lớn thông tin hợp lý, lâu dài, giảm ghi chép thông tin ra giấy, , đảm bảo truy xuất thông tin khi có nhu cầu.

- Cập nhật dữ liệu kịp thời: khi đưa thông tin mới vào thì hệ thống sẽ lưu trữ và cập nhật nhanh chóng, dễ dàng đồng bộ hóa.

- Thống kê doanh thu: doanh thu hàng tháng được tính chuẩn xác thông qua cơ sở dữ liệu xuất ra tránh sai sót và ghi chép cồng kềnh.

- Tiện lợi cho khách hàng khi có nhu cầu suy nghĩ chọn món đồng thời thanh toán, không cần phải gọi điện hoặc nhắn tin cũng như trực tiếp đến cửa hàng.

## Phạm vi đề tài

Sản phẩm được xây dựng dựa trên yêu cầu của khách hàng, những người muốn mở rộng kinh doanh và tối ưu hóa lợi nhuận, thời gian, công sức trong công việc của mình. Hổ trợ nhân viên trong việc quản lý các nghiệp vụ, áp dụng được trong tất cả các hệ thống kinh doanh tương tự.

## Cấu trúc báo cáo đồ án tốt nghiệp

Chương 1: TỔNG QUAN

- Tổng quan về đề tài, mục tiêu và phạm vi nghiên cứu

Chương 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

- Tổng quan về ngôn ngữ lập trình Java

- Tổng quan về công nghệ Firebase

- Tổng quan về công nghệ MomoAPI

Chương 3: THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG ỨNG DỤNG

- Tóm tắt về quá trình và kết quả khảo sát thu thập thông tin của hệ thống

- Phân tích cơ sở dữ liệu, lập các mô hình, mô tả chi tiết các sơ đồ, nội dung cần thiết

- Các luồng hoạt động và giao diện của chương trình

Chương 5: TỔNG KẾT

- Kết quả đạt được, nhược điểm và hướng phát triển.

# CƠ SỞ LÝ THUYẾT

## Tổng quan về ngôn ngữ lập trình di động Java

### Giới thiệu

Java là một trong những ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng, được khởi đầu bởi James Gosling và bạn đồng nghiệp ở Sun MicroSystem năm 1991. Ban đầu Java được tạo ra nhằm mục đích viết phần mềm cho các sản phẩm gia dụng, và có tên là Oak.

Java được phát hành năm 1994, đến năm 2010 được Oracle mua lại từ Sun MicroSystem. [1]



Hình 2.1 Java

### Ưu điểm

* Dễ học và hiểu.
* Hoạt động tốt cho các ứng dụng gốc cũng như đa nền tảng.
* Vì bản thân Android được xây dựng trên Java, có rất nhiều thư viện Java đượchỗ trợ. Ngoài ra, Java có một hệ sinh thái nguồn mở rộng.
* Các ứng dụng Java nhẹ hơn và gọn hơn, ngay cả khi so sánh với các ứng dụng Kotlin, dẫn đến trải nghiệm ứng dụng nhanh hơn.
* Java cũng mang lại một quá trình xây dựng nhanh hơn, cho phép bạn viết mã nhiều hơn trong thời gian ngắn hơn.
* Nhờ sự lắp ráp được tăng tốc với Gradle, việc lắp ráp các dự án lớn trở nên dễ dàng hơn trong Java.

### Nhược điểm

* Java là một ngôn ngữ nặng, làm tăng khả năng xảy ra lỗi.
* Java gặp một số vấn đề với thiết kế API Android do những hạn chế cố hữu.
* Java đòi hỏi nhiều bộ nhớ hơn so với các ngôn ngữ khác và do đó có xu hướng chậm hơn

### Ứng dụng cho hệ điều hành Android

Java hỗ trợ tối đa cho hệ điều hành Android. Vì thế ngôn ngữ lập trình này được áp dụng rất nhiều vào các ứng dụng dành cho Android.. Số người sử dụng Android chiếm hơn một nửa thị phần vì vậy có thể thấy, nhu cầu sử dụng các ứng dụng là rất lớn.

Nếu trong tay bạn đang cầm một chiếc điện thoại chạy trên hệ điều hành Android thì đừng bất ngờ, bất cứ một ứng dụng nào trên đó cũng đều được hình thành và phát triển trên nền tảng Java.

## Tổng quan về ngôn ngữ PHP

### Giới thiệu

PHP là một từ viết tắt của cụm từ Hypertext Pre Processor. Là một ngôn ngữ lập trình thường được sử dụng để phát triển ứng dụng. Những thứ có liên quan đến viết máy chủ, mã nguồn mở hay mục đích tổng quát. Tốc độ load web nhanh, nhỏ gọn, cú pháp giống C và JAVA. Rất dễ học và thời gian xây dựng sản phẩm tương đối ngắn hơn so với các ngôn ngữ khác hiện nay [2].

Ngôn ngữ lập trình PHP đã được xây dựng bởi cộng đồng và trong đó có sự đóng góp to lớn tới từ Zend Inc. Là một công ty do các nhà phát triển cốt lõi của PHP lập nên nhằm tạo ra một môi trường chuyên nghiệp. Đưa ngôn ngữ lập trình này vào quy mô phát triển của các doanh nghiệp, môi trường chuyên nghiệp.



Hình 2.2 PHP

### Ưu điểm

* PHP được sử dụng miễn phí.
* Cú pháp và cấu trúc của PHP tương đối dễ dàng, không phải mất quá nhiều thời gian để hiểu được. Là một ưu điểm lớn cho mọi người quan tâm và yêu thích hàng đầu về ngôn ngữ lập trình.
* Không chỉ với hiện tại mà trong tương lai. ngôn ngữ lập trình này sẽ còn phát triển mạnh me hơn nữa để khẳng định vị trí của mình luôn là cao nhất trong các bảng khảo sát ngôn ngữ lập trình.

### Nhược điểm

* PHP còn hạn chế về cấu trúc của ngữ pháp.
* PHP chỉ có thể hoạt động và sử dụng được trên các ứng dụng trong web.

## Tổng quan về thương mại điện tử E-commerce

### Giới thiệu

E – Commerce (Electronic commerce) hay còn được gọi là thương mại điện tử – là các hoạt động mua hoặc bán các sản phẩm thông qua dịch vụ trực tuyến. Thương mại điện tử tiện lợi đến mức bạn có thể mua bán sản phẩm trên toàn thế giới ở bất kì thời gian nào. Đây chính là điều mà các cửa hàng truyền thống không thể có được. [3]

Một số các ngành nghề sử dụng E – Commerce phổ biến là thương mại di động, chuyển tiền điện tử, quản lý chuỗi cung ứng, tiếp thị qua Internet, giao dịch trực tuyến, trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), hệ thống quản lý hàng tồn kho,..

### Ưu điểm:

Không giới hạn khoảng cách: khách hàng chỉ cần lên website của cửa hàng và lựa chọn món hàng mình thích, hàng hóa sẽ được giao đến tận nơi mà không cần đến tận cửa hàng để mua. Như vậy, bạn có thể bán cho bất cứ ai, dù họ ở đâu, trong nước hay trên thế giới thông qua hình thức thương mại điện tử trực tuyến.

Không giới hạn vị trí cửa hàng: không nhất thiết phải ở một địa điểm cố định để xứ lý công việc kinh doanh. Tất cả những gì họ cần là 1 chiếc máy tính hoặc điện thoại có kết nối với Internet.

Không giới hạn thời gian: khách hàng hoàn toàn có thể xem và lựa chọn hàng hóa ở bất kì mọi thời điểm mà họ mong muốn và cảm thấy thuận tiện.

Tiết kiệm chi phí: Đứng trên phương diện là khách hàng, việc thanh toán đối với hệ thống E-commerce được xem là điểm thu hút lớn đối với họ

### Nhược điểm:

Dịch vụ khách hàng: đa phần các website thương mại điện tử hiện nay đều có tích hợp tính năng hỗ trợ, chat trực tuyến nhưng nhìn chung thì nó vẫn chưa được đầu tư và sử dụng một cách bài bản.

Tính tức thời: Khi bạn mua sắm trực tuyến, bạn phải chờ món hàng được giao đến nhà hoặc văn phòng. Tuy nhiên vấn đề này hiện nay đã được cải thiện rất nhiều với dịch vụ giao hàng trong ngày hoặc thậm chí chỉ trong 2 tiếng hoặc 30 phút, như dịch vụ mà Tiki đang áp dụng (có tính thêm phí).

Sự trung thực: Các hình ảnh trực tuyến không phải lúc nào cũng có thể mô tả được đầy đủ hình dạng, màu sắc, chất lượng hoặc tính năng của sản phẩm. Thông thường, hầu hết hình ảnh đều được chỉnh sửa để sản phẩm nhìn bắt mắt và thu hút thị hiếu hơn. Các giao dịch thương mại điện tử đã nhiều lần gây thất vọng cho người tiêu dùng khi món hàng nhận được không như mong đợi.

## Tổng quan các công nghệ sử dụng:

### Tổng quan về Firebase

**Giới thiệu:**

Firebase là một nền tảng phát triển ứng dụng di động và web. Họ cung cấp rất nhiều công cụ và dịch vụ để phát triển ứng dụng chất lượng, rút ngắn thời gian phát triển và phát triển cơ sở người dùng mà không cần quan tâm đến hạ tầng phần cứng.

Firebase là sự kết hợp giữa nền tảng cloud với hệ thống máy chủ cực kì mạnh mẽ của Google. Firebase cung cấp cho chúng ta những API đơn giản, mạnh mẽ và đa nền tảng trong việc quản lý, sử dụng database. [4]

Diagram

Description automatically generated

Hình 2.3 Firebase

**Các dịch vụ của Firebase đã sử dụng trong ứng dụng:**

* Firebase Cloud Messaging

Firebase Cloud Messaging (FCM) là một giải pháp nhắn tin đa nền tảng, nó cho phép bạn gửi tin nhắn một cách đáng tin cậy mà không mất phí.

Sử dụng FCM bạn có thể gửi thông báo cho ứng dụng khi có email mới hoặc có dữ liệu mới để thực hiện đồng bộ hóa. Với các trường hợp sử dụng nhắn tin real time thì tin nhắn có thể có lưu lượng lên đến 4KB.

Một FCM implement hai thành phần chính để gửi và nhận: 1. Một môi trường đáng tin cậy như Cloud Function cho Firebase hoặc một app server để build và gửi tin nhắn. 2. Một client app như IOS, Android hoặc Web(JavaScrip) để nhận tin nhắn qua các service dành riêng cho từng nền tảng.

* Firebase Authentication

Firebase Authentication là chức năng dùng để xác thực người dùng bằng Password, số điện thoại hoặc tài khoản Google, Facebook hay Twitter, v.v. Việc xác thực người dùng là một chức năng quan trọng trong phát triển ứng dụng. Tuy nhiên, việc đối ứng với nhiều phương pháp xác thực khác nhau sẽ tốn nhiều thời gian và công sức.

Firebase Authentication giúp thực hiện việc chia sẻ ID giữa các ứng dụng, giúp người dùng dễ dàng tiếp cận sản phẩm hơn. Vì thế, nó là một chức năng rất quý.

### Tổng quan về MomoAPI

**Giới thiệu:**

MoMo Payment Platform API là giải pháp thanh toán cho các đơn vị kinh doanh, cho phép khách hàng sử dụng tài khoản Ví MoMo để thanh toán các dịch vụ trên nhiều nền tảng khác nhau: Desktop Website, Mobile Website, Mobile Application, POS, Pay In Bill, Web In App MoMo. [5]



Hình 2.4 Ứng dụng ví điện tử Momo

**Quy trình tích hợp**

* Đăng ký tài khoản doanh nghiệp.
* Bạn cần hoàn thành quá trình đăng ký với đầy đủ thông tin, trạng thái mặc định của doanh nghiệp sẽ là chưa xác thực. Thông tin tích hợp mặc định sẽ môi trường Test
* Tham khảo và lựa chọn phương thức thanh toán áp dụng cho dịch vụ của đơn vị kinh doanh.
* Tiến hành tích hợp theo tài liệu của từng phương thức thanh toán.
* Đơn vị tiến hành kiểm thử phần mềm, tham khảo các testcase của MoMo cung cấp để kiểm tra các lỗi phổ biến trong quá trình thanh toán.
* Sau khi đơn vị kinh doanh hoàn thành tích hợp và kiểm thử, MoMo sẽ xác thực dịch vụ của bạn trên môi trường test trước khi lên production.
* Sau khi được xác nhận, tài khoản doanh nghiệp của bạn sẽ được chuyển sang trạng thái đã xác thực.
* Thay đổi các thông tin tích hợp theo môi trường production.
* Triển khai dịch vụ thanh toán cho khách hàng.

# THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG ỨNG DỤNG

## Khảo sát hiện trạng và xác định yêu cầu

### Hiện trạng của tổ chức

Căn tin nằm trong khuôn viên của kí túc xá đại học Giao Thông Vận Tải phân hiệu tại TPHCM, với số lượng nhân viên ít (dưới 3) và hầu như không sử dụng đến máy tính. Sinh viên hoặc giảng viên có hai hình thức mua thức ăn vào các bữa chính:

1. Sinh viên hoặc giảng viên đến trực tiếp chọn lựa món ăn và thanh toán tại căn tin.
2. Sinh viên hoặc giảng viên gọi điện thoại, nhắn tin thông thường hoặc qua mạng xã

hội Zalo để gửi yêu cầu xem thực đơn. Nhân viên căn tin sẽ gửi danh sách các món dưới dạng tin nhắn hoặc đọc qua cuộc gọi. Sinh viên hoặc giảng viên sẽ trả lời lại số lượng và món ăn, thông tin người đặt. Nhân viên căn tin sẽ ghi chép lại bằng dưới dạng sổ ghi chép. Khi đến giờ ăn (12 giờ trưa, 6 giờ tối), nhân viên căn tin sẽ mang cơm đến tận phòng kí túc xá để giao và thanh toán.

Nhìn chung, căn tin chủ yếu sử dụng quy trình thủ công, chưa có sự ghi chép các hóa đơn để đối chiếu cũng như thống kê khi cần thiết. Thực đơn cũng phải cập nhật hằng ngày cho từng khách hàng có nhu cầu xem. Sinh viên cũng phải cập lại lại thông tin giao hàng thủ công hằng ngày. Hoạt động lặp đi lặp lại này rất mất thời gian. Việc sử dụng phương pháp này gây nên nhiều bất cập và khó khăn trong công tác kinh doanh, quản lí và lưu trữ, rất dễ gây nhầm lẫn và sai sót trong quá trình giao hàng. Trong khi tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp thì mua hàng online đang là hình thức được ưa chuộng. Quy trình kinh doanh và quản lí truyền thống rất có thể là tác nhân khiến lợi nhuận của căn tin kí túc xá chưa phát triển tối ưu.

### Khảo sát thu thập thông tin của hệ thống

* Sử dụng phương pháp khảo sát Top-down.

Khái niệm phương pháp Top-down: là phương pháp đi từ trên xuống dùng để phân tích, suy diễn, khởi điểm là đỉnh điểm, ban đầu cần có một mục tiêu cần đạt đến. Sau đó, từ mục tiêu này tìm các mấu chốt vấn đề. Một mục tiêu lớn thì sẽ chia thành nhiều mục tiêu trung, mục tiêu trung chia thành nhiều mục tiêu nhỏ và cứ chia như thế. Quá trình phân rã sẽ dừng lại khi thành phần tìm được đã được giải quyết rồi hoặc đủ đơn giản để thực hiện.

BẢNG KẾ HOẠCH PHỎNG VẤN TỔNG QUAN CHUNG

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| KẾ HOẠCH PHỎNG VẤN TỔNG QUAN  Hệ thống: Quản lí và đặt thức ăn UTC2  Người lập: Trần Tuyết Như  Ngày lập: 10/5/2021 | | | | |
| STT | Chủ đề | Yêu cầu | Ngày bắt đầu | Ngày kết thúc |
| 1 | Quy trình quản lí sản phẩm | Phải nắm rõ sản phẩm để dễ dàng trong việc quản lí | 10/5/2021 | 10/5/2021 |
| 2 | Quy trình tính hóa đơn | Phải nắm rõ số lượng mặt hàng, tên hàng, loại hàng khách yêu cầu... | 10/5/2021 | 10/5/2021 |
| 3 | Hệ thống máy móc phần mềm | Tìm hiểu kĩ về tài nguyên máy móc, trang thiết bị, phần mềm, đang được sử dụng trong hệ thống | 10/5/2021 | 10/5/2021 |
| 4 | Quản lí doanh thu | Nắm rõ tình hình kinh doanh của quán để đưa ra những chiến lược phù hợp để đạt doanh số cao nhất | 10/5/2021 | 10/5/2021 |

Bảng 3.1 Bảng kế hoạch phỏng vấn tổng quan chung

BẢNG KẾ HOẠCH PHỎNG VẤN

|  |  |
| --- | --- |
| BẢNG KẾ HOẠCH PHỎNG VẤN  Hệ thống: Quản lí và đặt thức ăn UTC2  Người lập: Trần Tuyết Như  Ngày lập: 10/5/2021 | |
| Người được phỏng vấn: nhân viên của căn tin kí túc xá đại học Giao Thông Vận tải phân hiệu tại TPHCM, sinh viên lưu trú tại kí túc xá | Thời gian bắt đầu: 8h ngày 10/5/2021  Thời gian kết thúc: 11h ngày 10/5/2021 |
| Mục tiêu: Thu thập và tìm hiểu được quy trình hoạt động của tổ chức |  |
| Chi tiết buổi phỏng vấn:  \* Giời thiệu  \* Tổng quan về hệ thống  \* Tổng quan về buổi phỏng vấn  **-** Quy trình bán hàng?  **-** Quá trình gọi món như thế nào ?  - Quá trình thanh toán, tính tiền ?  **-** Quản lí thực đơn ra sao ?  - Thông tin của hóa đơn ?  - Quy trình quản lý khách hàng  - Quy trình thống kê | Thời gian ước lượng:  -15 phút  -15 phút  - 2 giờ 30 phút |
| Quan sát tổng quan |  |
| Phát sinh ngoài dự kiến |  |

Bảng 3.2 Bảng kế hoạch phỏng vấn

PHIẾU PHỎNG VẤN NHÂN VIÊN CĂN TIN

|  |  |
| --- | --- |
| BẢNG CÂU HỎI VÀ GHI NHẬN CÂU TRẢ LỜI  Hệ thống: Quản lý căn tin UTC2  Người được hỏi: chị Trần Hoàng Phương (nhân viên của căn tin kí túc xá UTC2) | |
| Câu hỏi Ghi nhận câu trả lời | |
| Câu 1: Chào chị, hiện căn tin mình có bao nhiêu hình thức mua cơm vào giờ ăn? | * Có 2 hình thức: mua trực tiếp hoặc gọi điện thoại để tới giờ cơm sẽ mang lên. |
| Câu 2: Quy trình đặt hàng qua điện thoại như thế nào? | * Khách hàng gọi điện thoại để yêu cầu đặt món. Nhân viên ghi chép lại đến khi chuẩn bị xong sẽ mang lên theo số phòng kí túc xá khách hàng cung cấp. |
| Câu 3: Làm sao để cho khách hàng đặt hàng biết hôm nay có các món gì? | * Khách hàng tự gọi điện thoại hỏi khi có nhu cầu hoặc tự xuống căn tin xem. |
| Câu 4: Khoảng mấy giờ thì thức ăn được giao? | * Khi thức ăn đã được chuẩn bị xong. Do nằm trong khuôn viên nên việc giao hàng khá thuận tiện. Chỉ khi khách hàng đặt hàng quá trễ căn tin hết cơm thì nhân viên sẽ báo khi khách hàng. |
| Câu 5: Căn tin có thường xuyên thống kê hóa đơn không? | * Chưa lập hóa đơn nên chưa thống kê. Nhân viên tự thống kê tiền bạc vào cuối ngày. |

Bảng 3.3 Phiếu phỏng vấn nhân viên căn tin

PHIẾU PHỎNG VẤN SINH VIÊN LƯU TRÚ TẠI KÍ TÚC XÁ UTC2

|  |  |
| --- | --- |
| BẢNG CÂU HỎI VÀ GHI NHẬN CÂU TRẢ LỜI  Hệ thống: Quản lý căn tin UTC2  Người được hỏi: bạn Trần Ngọc Tuân (sinh viên nội trú tại kí túc xá UTC2) | |
| Câu hỏi Ghi nhận câu trả lời | |
| Câu 1: Chào bạn, có thể cho mình biết quy trình đặt mua cơm tại căn tin kí túc xá không? | * Mình sẽ gọi điện thoại để yêu cầu đặt món và cung cấp thông tin số phòng. Một lát nhân viên kí túc xá sẽ đem cơm đến tân phòng cho mình. Do căn tin không sử dụng rác thải dùng 1 lần nên ăn xong mình để khay rỗng ở ngoài cửa phòng. Một lát sẽ có nhân viên thu. |
| Câu 2: Có khó khăn khi muốn xem thực đơn không? | * Có khó khăn do nếu mình muốn thì mình phải xuống tận căn tin xem hoặc mất phí khi gọi điện thoại và cũng khó có thời gian để suy nghĩ và cân nhắc lựa chọn món ăn. |
| Câu 3: Có khi nào bạn gặp sai sót trong quá trình nhận cơm không? Cách xử lí như thế nào? | * Mình chưa nhưng bạn mình đã từng gặp tình trạng căn tin giao sai món. Bạn mình đã thông cảm sử dụng luôn phần cơm bị giao sai. |
| Câu 4: Bạn có mong muốn có một ứng dụng đặt cơm như thế nào thay thế hình thức đặt cơm hiện tại? | * Mong ứng dụng có hình ảnh trực quan để có thể dễ dàng xem các món ăn cũng như có thời gian suy nghĩ lựa chọn một bữa ăn đúng với sở thích mà không cần phải đến tận căn tin. |

Bảng 3.4 Phiếu phỏng vấn sinh viên tại KTX UTC2

### Tổng hợp kết quả khảo sát

Mô hình phân rã chức năng của ứng dụng quản lí

Graphical user interface, text

Description automatically generated

Hình 3.1 Mô hình phân rã chức năng của ứng dụng quản lí

Mô hình phân rã chức năng của ứng dụng đặt hàng:

Graphical user interface, text, application

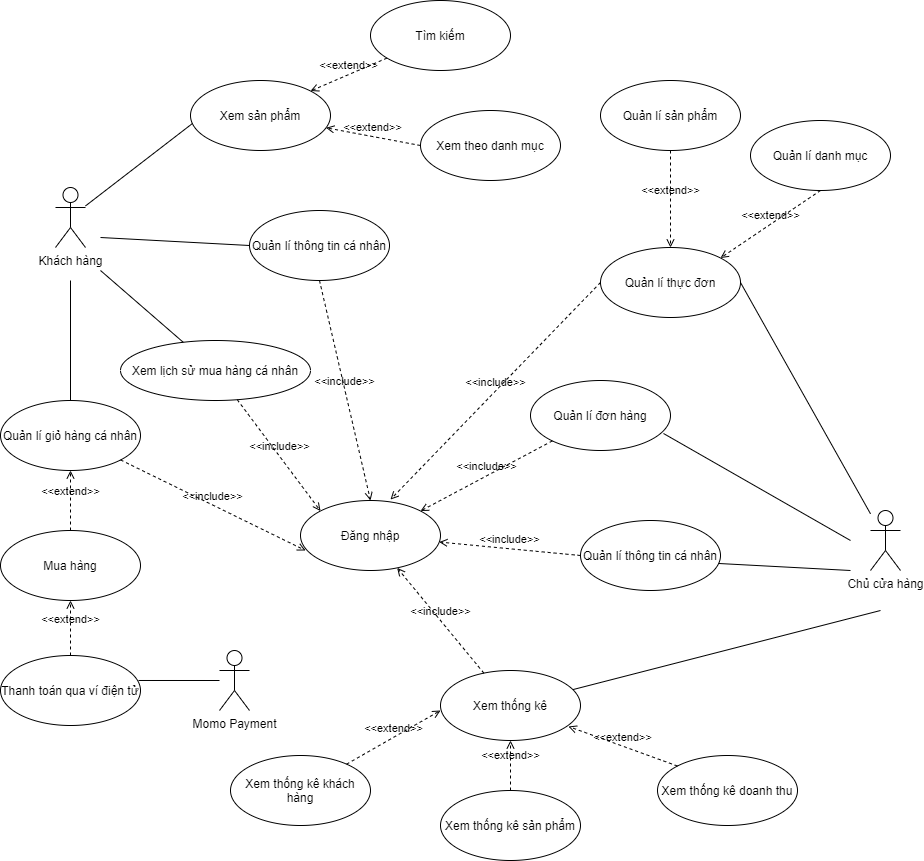
Description automatically generated

Hình 3.2 Mô hình phân rã chức năng của ứng dụng đặt hàng

### Xác định yêu cầu và chức năng của hệ thống

* Yêu cầu:
* Yêu cầu phát triển và nâng cấp: Hệ thống phải linh động trong việc thay đổi các quy luật đặt sẵn và phải dễ dàng nâng cấp.
* Yêu cầu hiệu quả: Hệ thống phải làm việc hiệu quả thực hiện đúng yêu cầu của người sử dụng. Tỉ lệ lỗi trung bình hệ thống dưới 10%.
* Yêu cầu tương thích: Phần mềm phải có tính tương thích. Có thể sử dụng kết hợp với các hệ thống quản lý khác của các ban quản lý.
* Yêu cầu hệ thống: Bảo mật, phân quyền 2 ứng dụng khác hoàn toàn cho từng đối tượng sử dụng tránh tình trạng thông tin, dữ liệu bị mất hoặc bị sửa đổi.
* Yêu cầu an toàn: Phải có giải pháp bảo đảm an toàn dữ liệu, có khả năng backup dữ liệu và phục hồi dữ liệu khi có sự cố.
* Yêu cầu công nghệ: Hệ thống phải sử dụng dễ dàng, dễ sửa lỗi, có khả năng tái sử dụng và kế thừa.
* Chức năng:
* Ứng dụng quản lí:
* Quản lí thực đơn:
* Quản lí danh mục
* Quản lí sản phẩm
* Quản lí thông tin:
* Đặt lại mật khẩu
* Thay đổi thông tin
* Báo cáo thống kê:
* Thống kê doanh thu:
* Thống kê doanh thu 7 ngày gần nhất
* Thống kê doanh thu trong năm
* Thống kê doanh thu các năm
* Thống kê khách hàng
* Thống kê sản phẩm
* Ứng dụng đặt hàng:
* Xem thực đơn:
* Xem theo danh mục:
* Tìm kiếm theo tên
* Lọc theo giá
* Tìm kiếm theo tên
* Quản lí thông tin cá nhân
* Đặt lại mật khẩu
* Thay đổi thông tin
* Xem lịch sử mua hàng
* Quản lí giỏ hàng
* Mua hàng
* Thanh toán khi nhận hàng
* Thanh toán qua ví điện tử Momo

### Sơ đồ usecase



Hình 3.3 Sơ đồ usecase

**Kịch bản use case xem sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Xem sản phẩm |
| Tên Actor | Khách hàng |
| Mức | 1 |
| Tiền điều kiện | Khách hàng cần mở ứng dụng |
| Đảm bảo tối thiểu |  |
| Đảm bảo thành công |  |
| Kích hoạt | Khách hàng yêu cầu chức năng quản lí |
| **Hành động tác nhân** | **Phản ứng hệ thống** |
| 1. Khách hàng yêu cầu chức năng xem sản phẩm theo danh mục  1.1 Khách hàng yêu cầu chức năng tìm kiếm | Hệ thống lấy thông tin sản phẩm hiển thị cho khách hàng theo yêu cầu |

Bảng 3.5 Kịch bản usecase chức năng xem sản phẩm

**Kịch bản use case quản lí thông tin cá nhân**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lí |
| Tên Actor | Khách hàng |
| Mức | 1 |
| Tiền điều kiện | Khách hàng phải đăng nhập |
| Đảm bảo tối thiểu |  |
| Đảm bảo thành công |  |
| Kích hoạt | Khách hàng yêu cầu chức năng quản lí thông tin cá nhân |
| **Hành động tác nhân** | **Phản ứng hệ thống** |
| 1. Khách hàng yêu cầu chức năng quản lí thông tin cá nhân  1.1 Khách hàng yêu cầu chức năng lưu các chỉnh sửa | Hệ thống lấy thông tin cá nhân hiển thị lên màn hình, cho phép khách hàng chỉnh sửa  Hệ thống thực hiện kiểm tra các thông tin, nếu hợp lệ sẽ lưu vào hệ thống |

Bảng 3.6 Kịch bản usecase chức năng quản lí thông tin cá nhân

**Kịch bản use case quản lí giỏ hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lí |
| Tên Actor | Khách hàng |
| Mức | 1 |
| Tiền điều kiện | Khách hàng phải đăng nhập |
| Đảm bảo tối thiểu |  |
| Đảm bảo thành công |  |
| Kích hoạt | Khách hàng yêu cầu chức năng quản lí giỏ hàng |
| **Hành động tác nhân** | **Phản ứng hệ thống** |
| 1. Khách hàng yêu cầu chức năng quản lí giỏ hàng  1.1 Khách hàng yêu cầu chức năng mua hàng | Hệ thống lấy thông tin đang có trong giỏ hàng hiển thị lên màn hình  Hệ thống thực hiện kiểm tra phương thức thanh toán:   * Nếu phương thức là thanh toán khi nhận hàng, hệ thống lưu hóa đơn và gửi thông báo đến ứng dụng quản lí * Nếu phương thức thanh toán là ví điện tử momo, hệ thống gửi yêu cầu cho Momo, sau khi khách hàng xác thực thành công sẽ tiến hành lưu hóa đơn và thông tin thanh toán lên hệ thống và gửi thông báo đến ứng dụng quản lí |

Bảng 3.7 Kịch bản usecase chức năng quản lí giỏ hàng

**Kịch bản use case xem lịch sử mua hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lí |
| Tên Actor | Khách hàng |
| Mức | 1 |
| Tiền điều kiện | Khách hàng phải đăng nhập |
| Đảm bảo tối thiểu |  |
| Đảm bảo thành công |  |
| Kích hoạt | Khách hàng yêu cầu chức năng quản lí |
| **Hành động tác nhân** | **Phản ứng hệ thống** |
| 1. Khách hàng yêu cầu chức năng xem lịch sử mua hàng | Hệ thống lấy thông tin lịch sử mua hàng hiển thị lên màn hình |

Bảng 3.8 Kịch bản usecase chức năng xem lịch sử mua hàng

**Kịch bản use case quản lí thực đơn**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lí |
| Tên Actor | Chủ cửa hàng |
| Mức | 1 |
| Tiền điều kiện | Chủ cửa hàng phải đăng nhập |
| Đảm bảo tối thiểu |  |
| Đảm bảo thành công |  |
| Kích hoạt | Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng quản lí thực đơn |
| **Hành động tác nhân** | **Phản ứng hệ thống** |
| 1. Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng quản lí thực đơn  2. Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng quản lí sản phẩm trong danh mục | Hệ thống lấy thông tin danh mục hiển thị lên màn hình, cho phép sửa hoặc thêm mới.  Hệ thống lấy thông tin các sản phẩm trong danh mục hiển thị lên màn hình, cho phép sửa hoặc thêm mới. |

Bảng 3.9 Kịch bản usecase chức năng quản lí thực đơn

**Kịch bản use case quản lí hóa đơn**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lí |
| Tên Actor | Chủ cửa hàng |
| Mức | 1 |
| Tiền điều kiện | Chủ cửa hàng phải đăng nhập |
| Đảm bảo tối thiểu |  |
| Đảm bảo thành công |  |
| Kích hoạt | Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng quản lí đơn hàng |
| **Hành động tác nhân** | **Phản ứng hệ thống** |
| 1. Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng quản lí đơn hàng. | Hệ thống lấy thông tin các hóa đơn trong hệ thống, hiển thị theo trạng thái, cho phép xem chi tiết và thay đổi trạng thái |

Bảng 3.10 Kịch bản usecase quản lí đơn hàng

**Kịch bản use case quản lí thông tin chủ cửa hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lí |
| Tên Actor | Chủ cửa hàng |
| Mức | 1 |
| Tiền điều kiện | Chủ cửa hàng phải đăng nhập |
| Đảm bảo tối thiểu |  |
| Đảm bảo thành công |  |
| Kích hoạt | Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng quản lí thông tin cá nhân |
| **Hành động tác nhân** | **Phản ứng hệ thống** |
| 1. Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng quản lí thông tin cá nhân  1.1 Chủ cửa hàng yêu cầu lưu thông tin đã chỉnh sửa | Hệ thống lấy thông tin cá nhân của chủ cửa hàng, hiển thị lên màn hình, cho phép thay đổi  Hệ thống kiểm tra thông tin, nếu hợp lệ sẽ lưu vào hệ thống |

Bảng 3.11 Kịch bản usecase quản lí thông tin chủ cửa hàng

**Kịch bản use case xem báo cáo thống kê**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Quản lí |
| Tên Actor | Chủ cửa hàng |
| Mức | 1 |
| Tiền điều kiện | Chủ cửa hàng phải đăng nhập |
| Đảm bảo tối thiểu |  |
| Đảm bảo thành công |  |
| Kích hoạt | Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng xem báo cáo thống kê |
| **Hành động tác nhân** | **Phản ứng hệ thống** |
| 1. Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng xem báo cáo thống kê  1.1 Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng xem báo cáo thống kê doanh thu  1.2 Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng xem báo cáo thống kê sản phẩm  1.3 Chủ cửa hàng yêu cầu chức năng xem báo cáo thống kê khách hàng | Hệ thống hiển thị các loại thống kê  Hệ thống lấy thông tin thống kê doanh thu hiển thị dưới dạng biểu đồ cột lên màn hình  Hệ thống lấy thông tin thống kê sản phẩm hiển thị dưới dạng danh sách lên màn hình  Hệ thống lấy thông tin thống kê khách hàng hiển thị dưới dạng danh sách lên màn hình |

Bảng 3.12 Kịch bản usecase xem thống kê

## Phân tích dữ liệu

### Mô hình thực thể kết hợp ERD

Diagram

Description automatically generated

Hình 3.4 Mô hình thực thể kết hợpERD

### Sưu liệu cho ERD

**Mô tả các chi tiết cho thực thể**

THỰC THỂ LOẠI SẢN PHẨM:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thực thể: LOAISANPHAM | | | | Ngày lập:20/11/2019  Người lập: Trần Tuyết Như | | |
| STT | Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu DL | Loại DL | Miền giá trị | Số byte |
| 1  2  3 | MALOAI  TENLOAI  HINHANHLOAI | Mã loại  Tên loại  Hình ảnh loại | S  C  C | B  B  B |  | 10  20  20 |
| Tổng | | | | | | 50 |
| Số thể hiện tối thiểu:1  Số thể hiện tối đa:1000 | | | | | | |

Bảng 3.13 Mô tả chi thiết thực thể LOAISANPHAM

THỰC THỂ SẢN PHẨM:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thực thể: SANPHAM | | | | Ngày lập:20/11/2019  Người lập: Trần Tuyết Như | | |
| STT | Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu DL | Loại DL | Miền giá trị | Số byte |
| 1  2  3 | MASP  TENSP  HINHANHSP  TINHTRANGSP  GIAGOC | Mã đồ uống  Tên đồ uống  Hình ảnh sản phẩm  Tình trạng sản phẩm  Giá gốc | S  C  C  S  S | B  B  K |  | 10  20  20  4  4 |
| Tổng | | | | | | 58 |
| Số thể hiện tối thiểu:1  Số thể hiện tối đa:1000 | | | | | | |

Bảng 3.14 Mô tả chi thiết thực thể SANPHAM

THỰC THỂ HÓA ĐƠN

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thực thể: HOADON | | | | Ngày lập:20/11/2019  Người lập: Trần Tuyết Như | | |
| STT | Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu DL | Loại DL | Miền giá trị | Số byte |
| 1  2  3  4  5  6  7 | MAHD  TINHTRANGHD  TG\_DAT  TG\_GIAO  TONGTIEN  PHUONGTHUCTT  TINHTRANGTT | Mã hóa đơn  Tình trạng hóa đơn  Thời gian đặt  Thời gian giao  Tổng tiền  Phương thức  Tình trang thanh toán | C  S  N  N  S  C  S | B  B  B  K  B  B  B |  | 10  4  4  4  4  10  4 |
| Tổng | | | | | | 50 |
| Số thể hiện tối thiểu:1  Số thể hiện tối đa:1000 | | | | | | |

Bảng 3.15 Mô tả chi thiết thực thể HOADON

THỰC THỂ KHÁCH HÀNG

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thực thể: KHACHHANG | | | | Ngày lập:20/11/2019  Người lập: Trần Tuyết Như | | |
| STT | Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu DL | Loại DL | Miền giá trị | Số byte |
| 1  2  3  4  5  6 | TENTAIKHOAN  MATKHAU  TENKH  SDTKH  DIACHI  DIEMTICHLUY | Mã khách hàng  Tên khách hàng  Số điện thoại  Địa chỉ | C  C  C  C | B  B  K  K |  | 10  20  10  50 |
| Tổng | | | | | | 90 |
| Số thể hiện tối thiểu:1  Số thể hiện tối đa:1000 | | | | | | |

Bảng 3.16 Mô tả chi thiết thực thể KHACHHANG

**Mô tả các ràng buộc**

R1: Thuộc tính TỔNG TIỀN của hóa đơn phải bằng tổng trị giá của các bộ trong CHI TIẾT HÓA ĐƠN

R2: Thuộc tính TINHTRANG của SANPHAM chỉ gồm 2 giá trị: “Còn hàng”-“Hết hàng”

R3: Thuộc tính TINHTRANGHD của HOADON chỉ gồm 4 giá trị: “Chưa xác nhận” - “Chưa đóng gói” - “Chưa giao hàng” - “Đã giao hàng”

R4: Thuộc tính TINHTRANGTT của HOADON chỉ gồm 2 giá trị: “Chưa thanh toán” - “Đã thanh toán”

R5: Thuộc tính THOIGIANDAT luôn sớm hơn THOIGIANGIAO của HOADON

## Thiết kế dữ liệu

### Mô hình quan hệ

* LOAISANPHAM (MALOAI, TENLOAI, HINHANHLOAI)
* SANPHAM (MASP, TENSP, HINHANHSP, GIAGOC, TINHTRANGSP, MALOAI)
* KHACHHANG (TENTAIKHOAN, MATKHAU, TENKH, DIACHIKH, SDTKH, DIEMTICHLUY)
* HOADON (MAHD, TINHTRANGHD, THOIGIANDAT, THOIGIANGIAO, TONGTIEN, TINHTRANGTT, PHUONGTHUCTT, TENTAIKHOAN)
* CTHOADON (MAHD, MASP, SL, GIA, GHICHU)

### Database Diagram

Graphical user interface

Description automatically generated with medium confidence

Hình 3.5 Database Diagram

### Mô tả chi tiết các thực thể, mối kết hợp, mô tả các ràng buộc toàn vẹn

**Mô tả chi tiết các thực thể**

TABLE LOẠI SẢN PHẨM:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thực thể: loaisanpham | | | | Ngày lập:20/11/2019  Người lập: Trần Tuyết Như | | | | | |
| STT | Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu DL | Chiều dài | Miền giá trị | M | P | D | Số byte |
| 1  2 | maloai  tenloai  hinhanhloai | Mã loại  Tên loại  Hình ảnh loại | int  Varchar  Varchar | 11  200  200 |  | X | X | X  X  X | 4  20  20 |
| Tổng | | | | | | | | | 44 |
| Số thể hiện tối thiểu:1  Số thể hiện tối đa:1000 | | | | | | | | | |

Bảng 3.17 Mô tả chi tiết thực thể loaisanpham

Dữ liệu nhập vào:

Text

Description automatically generated with low confidence

Hình 3.6 Dữ liệu nhập vào bảng loaisanpham

TABLE SẢN PHẨM

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thực thể: sanpham | | | | Ngày lập:20/11/2019  Người lập: Trần Tuyết Như | | | | | |
| STT | Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu DL | Chiều dài | Miền giá trị | M | P | D | Số byte |
| 1  2  3  4  5 | masp  tensp  hinhanhsp  giagoc  maloaisp | Mã sản phẩm  Tên sản phẩm  Hình ảnh sản phẩm  Giá gốc  Mã loại sản phẩm | int  varchar  varchar  int  int | 11  100  200  11  11 |  | X  X  X  X  X | X | X  X  X  X  X | 10  10  10  4 |
| Tổng | | | | | | | | | 34 |
| Số thể hiện tối thiểu:0  Số thể hiện tối đa:1000 | | | | | | | | | |

Bảng 3.18 Mô tả chi tiết thực thể sanpham

Dữ liệu nhập vào:

Table

Description automatically generated

Hình 3.7 Dữ liệu nhập vào bảng sản phẩm

TABLE KHÁCH HÀNG

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thực thể: khachhang | | | | Ngày lập:20/11/2019  Người lập: Trần Tuyết Như | | | | | |
| STT | Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu DL | Chiều dài | Miền giá trị | M | P | D | Số byte |
| 1  2  3  4  5  6 | tentaikhoan  matkhau  tenkh  diachikh  sdtkh  dtl | Tên tài khoản  Mật khẩu  Tên khách hàng  Địa chỉ  Số điện thoại  Điểm tích lũy | varchar  varchar  varchar  varchar  varchar  int | 100  100  100  100  10  11 |  | X  X  X  X  X  X | X | X  X  X  X  X  X | 10  10  10  10  10  4 |
| Tổng | | | | | | | | | 54 |
| Số thể hiện tối thiểu:0  Số thể hiện tối đa:1000 | | | | | | | | | |

Bảng 3.19 Mô tả chi tiết thực thể khachhang

Dữ liệu nhập vào:

Graphical user interface, text

Description automatically generated

Hình 3.8 Dữ liệu nhập vào bảng khachhang

TABLE HOADON

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thực thể: hoadon | | | | Ngày lập:20/11/2019  Người lập: Trần Tuyết Như | | | | | |
| STT | Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu DL | Chiều dài | Miền giá trị | M | P | D | Số byte |
| 1  2  3  4  5  6  7  8 | mahd  tinhtranghd  thoigiandat  thoigiangiao  tongtien  tinhtrangtt  phuongthuctt  tentaikhoan | Mã hóa đơn  Tình trạng hóa đơn  Thời gian đặt  Thời gian giao  Tổng tiền  Tình trạng thanh toán  Phương thức thanh toán  Tên tài khoản | int  int  datetime  datetime  int  int  varchar  varchar | 11  11  11  11  100  100 |  | X  X  X  X  X  X  X  X | X | X  X  X  X  X  X  X  X | 4  4  4  4  4  4  10  10 |
| Tổng | | | | | | | | | 44 |
| Số thể hiện tối thiểu:0  Số thể hiện tối đa:1000 | | | | | | | | | |

Bảng 3.20 Mô tả chi tiết thực thể bảng hoadon

Dữ liệu nhập vào:

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Hình 3.9 Dữ liệu nhập vào bảng hoadon

**Mô tả chi tiết các mối kết hợp**

MỐI KẾT HỢP CHITIETHOADON

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên mối kết hợp: chitiethoadon | | | | Ngày lập:20/11/2019  Người lập: Trần Tuyết Như | | | | | |
| STT | Tên thuộc tính | Diễn giải | Kiểu DL | Chiều dài | Miền giá trị | M | P | D | Số byte |
| 1  2  3  4  5 | mahd  masp  soluong  gia  ghichu | Mã hóa đơn  Mã sản phẩm  Số lượng  Giá  Ghi chú | int  int  int  int  varchar | 11  11  11  11  100 |  | X  X  X  X  X | X | X  X  X  X  X | 4  4  4  4  10 |
| Tổng | | | | | | | | | 26 |
| Số thể hiện tối thiểu:0  Số thể hiện tối đa:1000 | | | | | | | | | |

Bảng 3.21 Mô tả chi tiết mối kết hợp chitiethoadon

Dữ liệu nhập vào:

Table

Description automatically generated

Hình 3.10 Dữ liệu nhập vào bảng chitiethoadon

**Mô tả các ràng buộc toàn vẹn**

R1: Thuộc tính TONGTIEN của hóa đơn phải bằng tổng trị giá của các bộ trong CHI TIẾT HÓA ĐƠN

Biểu diễn: ∀hd ∈ HOADON: hd.TONGTIEN = SUM (cthd.GIA) đối với các cthd ∈ CTHD sao cho cthd.MAHD = hd.MAHD

Bảng tầm ảnh hưởng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quan hệ | Thêm | Sửa | Xóa |
| HOADON | - | +(TONGTIEN) | + |
| CTHD | + | +(GIA) | + |

Bảng 3.22 Bảng tầm ảnh hưởng R1

R2: Thuộc tính TINHTRANG của SANPHAM chỉ gồm 2 giá trị: “Còn hàng”-“Hết hàng”

Biểu diễn: ∀sp ∈ SANPHAM: sp.TINHTRANG ∈ [0,1]

Bảng tầm ảnh hưởng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quan hệ | Thêm | Sửa | Xóa |
| SANPHAM | + | +(TINHTRANG) | - |

Bảng 3.23 Bảng tầm ảnh hưởng R2

R3: Thuộc tính TINHTRANGHD của HOADON chỉ gồm 4 giá trị: “Chưa xác nhận” - “Chưa đóng gói” - “Chưa giao hàng” - “Đã giao hàng”

Biểu diễn: ∀ hd ∈ HOADON : hd.TINHTRANGTT ∈ [0,3]

Bảng tầm ảnh hưởng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quan hệ | Thêm | Sửa | Xóa |
| HOADON | + | +(TINHTRANGHD) | - |

Bảng 3.24 Bảng tầm ảnh hưởng R3

R4: Thuộc tính TINHTRANGTT của HOADON chỉ gồm 2 giá trị: “Chưa thanh toán” - “Đã thanh toán”

Biểu diễn: ∀ hd ∈ HOADON : hd.TINHTRANGTT ∈ [0,1]

Bảng tầm ảnh hưởng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quan hệ | Thêm | Sửa | Xóa |
| HOADON | + | +(TINHTRANGTT) | - |

Bảng 3.25 Bảng tầm ảnh hướng R4

## Sơ đồ hoạt động

Sơ đồ hoạt đông đăng nhập

Diagram

Description automatically generated

Hình 3.11 Sơ đồ hoạt động đăng nhập

Sơ đồ hoạt động quên mật khẩu

Diagram

Description automatically generated

Hình 3.12 Sơ đồ hoạt động đăng kí

Sơ đồ hoạt động thanh toán

Diagram

Description automatically generated

Hình 3.13 Sơ đồ hoạt động thanh toán

Sơ đồ hoạt động chức năng thống kê:

Graphical user interface, diagram, text

Description automatically generated

Hình 3.14 Sơ đồ hoạt động thống kê

## Xây dựng giao diện chương trình

### Giao diện của ứng dụng đặt hàng

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Hình 3.15 Giao diện trang chính

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Hình 3.16 Giao diện thanh công cụ

A close-up of a cell phone

Description automatically generated with medium confidence

Hình 3.17 Giao diện đăng nhập

A close-up of a cell phone

Description automatically generated with medium confidence

Hình 3.18 Giao diện đăng kí

A close-up of a cell phone

Description automatically generated with medium confidence

Hình 3.19 Giao diện quên mật khẩu

A close-up of a cell phone

Description automatically generated with medium confidence

Hình 3.20 Giao diện nhập mã OTP

A screenshot of a phone

Description automatically generated with medium confidence

Hình 3.21 Giao diện nhận tin nhắn mã OTP

Graphical user interface, text, application, chat or text message

Description automatically generated

Hình 3.22 Giao diện nhập mật khẩu mới

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Hình 3.23 Giao diện thanh công cụ sau khi đăng nhập

A close-up of a cell phone

Description automatically generated with medium confidence

Hình 3.24 Giao diện thay đổi thông tin

Graphical user interface, text, application, chat or text message

Description automatically generated

Hình 3.25 Giao diện xem lịch sử mua hàng

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Hình 3.26 Giao diện xem chi tiết lịch sử mua hàng

Graphical user interface, text, application, chat or text message

Description automatically generated

Hình 3.27 Giao diện đổi mật khẩu

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Hình 3.28 Giao diện tìm kiếm tại trang chủ

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Hình 3.29 Giao diện lọc theo giá tại trang danh mục

Graphical user interface, text, application, chat or text message

Description automatically generated

Hình 3.30 Giao diện tìm kiếm theo tên tại trang danh mục

Graphical user interface, text, application, chat or text message

Description automatically generated

Hình 3.31 Giao diện xem chi tiết sản phẩm

Graphical user interface, text, application, chat or text message

Description automatically generated

Hình 3.32 Giao diện xem và quản lí giỏ thàng

A screen shot of a cell phone

Description automatically generated with medium confidence

Hình 3.33 Giao diện thanh toán vqua ví diện tử momo

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Hình 3.34 Giao diện sau khi mua hàng thành công

### Giao diện dành cho úng dụng quản lí

A picture containing text, monitor, phone, cellphone

Description automatically generated

Hình 3.35 Giao diện nhận thông báo khi có đơn hàng mới

A picture containing text, monitor, indoor, black

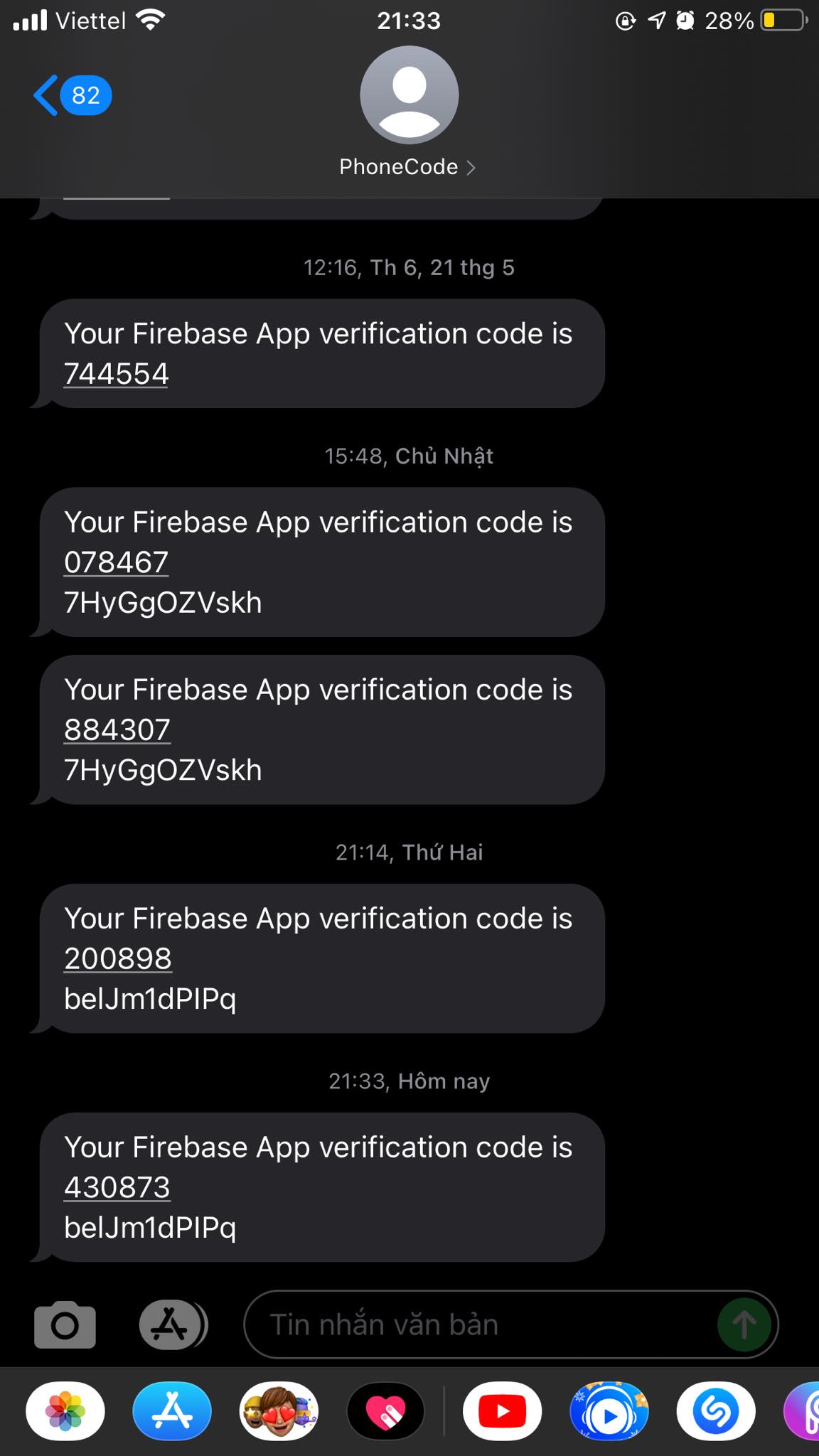
Description automatically generated

Hình 3.36 Giao diện đăng nhập

A close up of a cell phone

Description automatically generated with medium confidence

Hình 3.37 Giao diện nhập mã OTP khi quên mật khẩu



Hình 3.38 Giao diện nhập tin nhắn mã OTP

Graphical user interface, text, application, chat or text message

Description automatically generated

Hình 3.39 Giao diện nhập mật khẩu mới khi xác nhận thành công

Graphical user interface, text, application

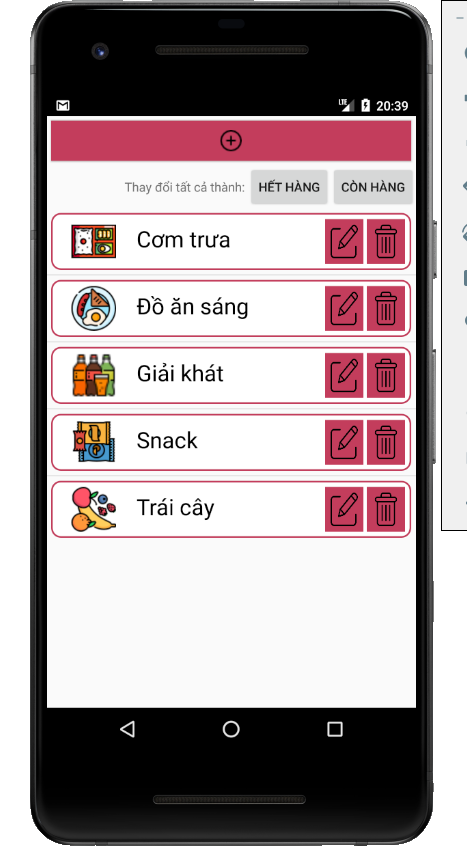
Description automatically generated

Hình 3.40 Giao diện quản lí hóa đơn

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Hình 3.41 Giao diện xem chi tiết hóa đơn và thay đổi trạng thái



Hình 3.42 Giao diện quản lí danh mục

A close-up of a cell phone

Description automatically generated with low confidence

Hình 3.43 Giao diện thêm danh mục

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Hình 3.44 Giao diện chỉnh sửa chi tiết danh mục

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Hình 3.45 Giao diện quản lí sản phẩm trong danh mục

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Hình 3.46 Giao diện thêm sản phẩm mới

A picture containing text, indoor, screenshot, different

Description automatically generated

Hình 3.47 Giao diện chỉnh sửa chi tiết sản phẩm

Chart, bar chart

Description automatically generated

Hình 3.48 Giao diện xem báo cáo doanh thu 7 ngày gần nhất

Chart, bar chart

Description automatically generated

Hình 3.49 Giao diện xem báo cáo doanh thu trong năm

Chart

Description automatically generated

Hình 3.50 Giao diện xem báo cáo doanh thu các năm qua

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Hình 3.51 Giao diện thống kê khách hàng

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Hình 3.52 Giao diện thống kê sản phẩm

A picture containing text, monitor, screenshot, phone

Description automatically generated

Hình 3.53 Giao diện thay đổi thông tin cửa hàng

# KẾT LUẬN

## Kết quả đạt được

Sau quá trình tìm hiểu, nguyên cứu, phân tích, thực hiện và thử nghiệm trên thực tế, đề tài đã được những yêu cầu đã đặt ra ở mục tiêu đề ra:

* Xây dựng ứng dụng quản lí và đặt hàng với đầy đủ các chức năng:
* Khách hàng có thể đăng kí và đăng nhập tài khoản cá nhân, lấy lại mật khẩu khi quên, quản lí thông tin tài khoản cá nhân, xem lịch sử mua hàng, quản lí giỏ hàng cá nhân, xem sản phẩm và tìm kiếm, mua hàng cũng như thanh toán trưc tuyến.
* Chủ cửa hàng có thể đăng nhập, quản lí thông tin tài khoản cá nhân. Quản lí danh mục, thực đơn của của cửa hàng. Quản lí đơn đặt hàng. Xem và thay đổi trạng thái đơn hàng. Thống kê doanh thu theo thời gian lựa chọn, sinh viên mua hàng nhiều nhất, sản phẩm được mua nhiều nhất.
* Đồng thời, đối với bản thân đạt được những thành tựu nhất định:
* Củng cố và bổ sung kiến thức đã học về việc thiết kế ứng dụng.
* Rèn luyện kĩ năng phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, kĩ năng lập trình.
* Tập làm quen với việc nghiên cứu.
* Xây dựng được ứng dụng quản lí và kinh doanh cửa hàng thiết thực, thân thiện, dễ sử dụng và mang lại hiệu quả cao.
* Lưu trữ khối lượng lớn thông tin hợp lý, cập nhật dữ liệu kịp thời, dễ dàng đồng bộ hóa, thống kê
* Giao diện thân thiện, dễ sử dụng.
* Trang bị các kiến thức nền vững chắc trong công việc tương lai

## Nhược điểm

Tuy nhiên, đây là một đề tài rộng với nhiểu kiến thức, đòi hỏi năng lực cũng như tư duy cao, sự thông hiểu nhất định mà khả năng của em còn hạn chế. Qua quá trình khảo sát tìm hiểu trên thị trường hiện nay, có rất nhiều ứng dụng tương tự nhưng vì trình độ chưa cao, dưới góc nhìn của sinh viên còn hạn hẹp nên em vẫn chưa xây dựng được các chức năng phức tạp. Điển hình là:

* Khả năng kết nối cũng như liên kết với các mạng xã hội để người dùng dễ dàng đăng kí và nhân thông báo về ứng dụng.
* Thiết kế giao diện người dùng làm theo cảm tính của bản thân, chưa thực sự hoàn hảo và dễ tiếp cận với người dùng.
* Nhiều dữ liệu không tự động cập nhật, chưa phải là ứng dụng tối ưu nhất trên hiện nay.
* Ứng dụng load chậm vì dữ liệu nhiều, chưa tìm được cách tối ưu cắt giảm dung lượng để ứng dụng nhẹ, chạy mượt trên tất cả các cấu hình.
* Cơ sở dữ liệu chưa thực sự hoàn hảo và logic, vướng nhiều trường hợp ngoại lệ, dễ mắc lỗi khi gặp các trường hợp phức tạp trong thực tế.
* Tồn tại một số lỗi ngầm làm dừng chương trình. Chưa giải quyết triệt để

## Hướng phát triển

Trong tương lai, em sẽ cố gắng khắc phục được các hạn chế đang có hiện nay. Đồng thời, hứa hẹn sử dụng tri thức học tập được để đem lại sự tiện lợi cho người dùng, phát triển công nghệ hiện nay thay thế cho các phương pháp thủ công lỗi thời, đưa đất nước tiến đến cuộc cách mạng công nghệ, thay đổi để đem lại cho người dân trong cả nước một cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

|  |  |
| --- | --- |
| [1] | A. Dao, “Tổng quan về ngôn ngữ lập trình java | Học Java,” 27 11 2020. [Online]. Available: https://hocjava.com/tong-quan/. |
| [2] | R. Theme, “PHP là gì? Những ưu và nhược điểm khi thiết kế web bằng PHP,” Free PHP Editor, 29 8 2019. [Online]. Available: http://free-php-editor.com/php-la-gi/. |
| [3] | N. Tin, “E-Commerce là gì và những điều cần biết |Tin tức - Nhất Tín Logistics,” Nhat Tin Logistics, 19 09 2018. [Online]. Available: https://ntlogistics.vn/tin-tuc/tin-chuyen-nganh/e-commerce-la-gi.html. |
| [4] | L. Nguyen, “Firebase là gì? Giới thiệu Firebase và các tính năng của Firebase - Blog ITNavi,” ITNAvi, 22 03 2021. [Online]. Available: https://blog.itnavi.com.vn/firebase-la-gi/. |
| [5] | Momo, “Developers Momo,” Momo, 03 07 2021. [Online]. Available: https://developers.momo.vn/#/. |